BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN BẠCH MAI
Số: 239 /BM-VTTTBYT
V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bạch Mai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế dùng chung năm 2024 của Bệnh viện Bạch Mai. Nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Bạch Mai
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai. Số điện thoại: 02438686390.
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Theo một trong những cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại Bộ phận Văn thư - Văn phòng Bệnh viện Bạch Mai

Địa chỉ: Bộ phận Văn thư – Văn phòng Bệnh viện - Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Hoặc:

- Nhận qua email: Vanphongbvbm.vt@bachmai.edu.vn. Hoặc:
- Nhận qua fax: 024 38691607

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 17 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 1 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá tối thiểu: 120 ngày kể từ ngày 31 tháng 1 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Yêu cầu báo giá bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản và toàn bộ các loại thuế, phí liên quan.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt ≤ 5 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai.

4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VND

- Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

5. Thành phần và quy cách hồ sơ báo giá

- Bảng giá: Mẫu số 01

- Bảng đáp yêu cầu mời báo giá: Mẫu số 02

- Tài liệu kỹ thuật có liên quan:

+ Catalogue bản tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bản in,
+ Chứng nhận CE hoặc FDA : 01 bản in.
+ 01 USB chứa nội dung tài liệu kỹ thuật có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:VT, VTTTBYT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Đào Xuân Cơ

PHỤ LỤC 01

CÁC BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 239/BM-VTTTBYT ngày 17 tháng 01 năm 2024)

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Bạch Mai

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bạch Mai, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* – Mã số thuế: …….

Báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục trang thiết bị y tế [2]	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, [3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ [6]	Số lượng [7]	Đơn vị tính	Đơn giá[8] (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9]	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) [10]	Thành tiền[11] (VND)
1	Hàng hóa 1	……..										
2	Hàng hóa 2	……..										
…	…											

1. Giá trên đã bao gồm tất cả các chi phí vận chuyển, bảo hiểm, bảo quản liên quan và các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật;

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:…. ngày kể từ ngày..... tháng .....năm 2023;

3. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện Bạch Mai – số 78 đường Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng từng đợt ≤ 5 ngày kể từ khi tiếp nhận thông tin yêu cầu của Bệnh viện Bạch Mai.

5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VND

- Thanh toán: theo số lượng giao hàng thực tế hàng tháng tại Bệnh viện trong vòng 90 ngày kể từ khi giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ các chứng từ thanh toán.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

6. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các trang thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: *[ghi rõ thông tin người phụ trách làm báo giá]*

….., ngày…. tháng….năm….

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại trang thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục trang thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của trang thiết bị y tế tương ứng với chủng loại trang thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục trang thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng trang thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của trang thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng trang thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng trang thiết bị y tế hoặc toàn bộ trang thiết bị y tế. Đối với các

trang thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của trang thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng trang thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng trang thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Mẫu số 02

(Kèm theo Báo giá số 239 ngày 17 tháng 01 năm 2024)

BẢNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT

Tên công ty:

STT	Danh mục trang thiết bị y tế (2)	Yêu cầu mời chào giá	Đáp ứng chào giá			Tài liệu tham chiếu (2)
			Ký, Mã hiệu	Hãng, nước SX	Thông số kỹ thuật (1)	
1	Hàng hóa 1	……				
2	Hàng hóa 2	……				
……	……	……				

(1) Ghi chính xác thông số kỹ thuật theo đúng thông số của hàng hóa chào giá
(2) Chỉ dẫn tài liệu (bản cứng, bản mềm) chứng minh thông số kỹ thuật hàng hóa chào giá

PHỤ LỤC 02

(kèm theo Yêu cầu báo giá số 239 /BM-VTTTBYT ngày 17 tháng 01 năm 2024)

YÊU CẦU CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
1	Găng tay sản khoa	Đôi	500	Găng tay sản khoa Chất liệu làm từ cao su thiên nhiên Chiều dài ≥ 450mm Độ dày tối thiểu 0,15mm	
2	Găng tay không bột	Đôi	500.000	Chất liệu: cao su Nitrile Đã được tiệt trùng Không chứa bột Có tối thiểu các cỡ: S, M, L	
3	Kim luồn tĩnh mạch chống trào ngược	Cái	30.000	Kim luồn tĩnh mạch loại không cánh, Chất liệu catherter bằng PUR hoặc ETFE hoặc Polyurethane Vialon hoặc FEP hoặc FEP-Teflon. Có tính năng kiểm soát chống máu trào ngược Có đường cản quang chạy dọc catherter. Thời gian lưu kim: ≥ 72h Có tối thiểu các cỡ: 16G, 18G, 20G, 22G, 24G Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
4	Đầu nối khóa ba ngã có cổng tiêm không kim	Cái	30.000	Chất liệu thân PC (Polycarbonate), không chứa Pyrogenic, chất độc hại 1 đầu kết nối dương, 2 đầu kết nối âm, khóa xoay 360 độ Có cổng tiêm không kim Tiệt trùng bằng EO Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
5	Dây nuôi ăn	Cái	24.780	Chức năng: dẫn thức ăn, sữa hoặc súp (dạng sệt) qua ống thông. Chất liệu: Nhựa y tế Có nắp bảo vệ Chiều dài ≥ 100cm	
6	Kim châm cứu	Cái	300.000	Thân kim chất liệu thép chuyên dụng, dẫn điện Đốc kim làm bằng đồng hoặc thép không gỉ Chiều dài khoảng 40mm (±5%), đường kính 0,3mm.	
7	Mặt nạ thở oxy có túi	Cái	7.370	Mặt nạ thở oxy có túi Có nhiều cỡ khác nhau Chất liệu PVC y tế hoặc nhựa nguyên sinh Có dây đeo đàn hồi Kèm dây thở oxy chiều dài ≥ 180cm Có nhiều cỡ: dùng cho người lớn và trẻ nhỏ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
8	Dây thở oxy hai nhánh	Cái	462410	Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc nhựa nguyên sinh Có nhiều cỡ khác nhau Chiều dài dây ≥ 2m. Có gọng thở qua đường mũi Có nhiều cỡ: dùng cho người lớn và trẻ nhỏ	
9	Phin lọc khuẩn làm ấm, làm ẩm (HM	Cái	20450	Phin lọc khuẩn, làm ấm, làm ẩm. Có cổng lấy mẫu khí. Thể tích khí lưu thông trong khoảng (Vt): ≤250 - ≥ 1000 ml Khoảng chết: ≤45 ml. Trở kháng tại 30 lít/phút (30LPM): ≤ 0,8 cmH2O Hiệu quả lọc vi khuẩn, vi rút: ≥ 99,99%.	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
10	Phin lọc máy thở	Cái	29700	Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện. Trở kháng tại 30 lít/phút (30LPM): ≤ 60Pa Khoảng chết: ≤ 25 ml Thể tích khí lưu thông trong khoảng (Vt): ≤250 - ≥ 1500 ml Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): ≥ 99,99%.	
11	Ống thông hậu môn	Cái	1.388	Có tối thiểu các số 22, 24, 26, 28. Dây dẫn dài khoảng 400mm (±5%), chất liệu nhựa PVC nguyên sinh Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
12	Điện cực dán	Cái	422180	Đường kính khoảng 50mm (±10%) đối với dạng hình tròn, Kích thước khoảng: 3,5 x3,0 cm (±10%) đối với dạng hình chữ nhật. Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel Acrylate hoặc AQUATAC Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc hoặc thép không gỉ	
13	Giấy in điện tim 3 cần (loại cuộn)	Cuộn	80	Giấy in điện tim 3 cần (loại cuộn) Tương thích với máy điện tim đang dùng của bệnh viện.	
14	Đầu đo SPO2 sử dụng cho máy theo dõi bệnh nhân (sử dụng cho máy Nihon Kohden)	Cái	396	Đầu đo SPO2 tương thích đo SPO2 đang dùng tại bệnh viện	
15	Dây Garo	Cái	3.476	Chiều dài ≥ 20cm Có khóa	
16	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	82.000	Đè lưỡi gỗ Đã được tiệt trùng	
17	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại	Chai	4.046	Dung dịch xít chông loét có chứa: corpitolinol, Acid Linoleic, acid béo, hương hạt hồi Chỉ số Peroxide: ≥50 đến ≤150mEq/kg.	
18	Holder kết nối kim hút chân không dùng nhiều lần	Cái	500	Dụng cụ để kết nối kim lấy máu với ống nghiệm chân không. Chất liệu nhựa, Kết nối dạng ren	
19	Túi đựng nước tiểu	Cái	66.490	Dung tích ≥ 2000ml Chất liệu bằng nhựa PVC hoặc các loại nhựa khác tương đương hoặc tốt hơn. Có thang đo dung tích. Cổng xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài ≥ 90cm, van chữ T chống trào ngược.	
20	Ampu bóp bóng dùng 1 lần	Bộ	100	Ampu bóp bóng dùng 1 lần Có nhiều cỡ	
21	Ampu bóp bóng nhiều lần	Bộ	40	Chất liệu Silicon Dùng nhiều lần	
22	Huyết áp cơ đồng hồ	Cái	320	Huyết áp cơ đồng hồ	
23	Huyết áp bán tự động	Cái	50	Huyết áp bán tự động	
24	Nhiệt kế thủy ngân	Cái	2.920	Nhiệt kế thủy ngân	
25	Ống nghe	Cái	240	Ống nghe tim phổi	
26	Giấy in ảnh siêu âm màu	Hộp	12	Giấy in ảnh siêu âm màu Tương thích với máy siêu âm màu Sony	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
27	Dây truyền dịch máy	Cái	20000	Dây làm bằng vật liệu nhựa nguyên sinh Van thoát khí: có màng lọc khí Bầu đếm giọt: có màng lọc dịch Dây dẫn dài ≥ 200cm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
28	Dây có đầu nối dùng trong hồi sức	Cái	2.000	Chất liệu PVC hoặc tương đương Thể tích mồi: ≤ 10 ml Tốc độ ≥ 6 ml/m Chịu được áp lực: ≥2 bar Chiều dài nằm trong khoảng: 120-150cm Đường kính trong: ≤ 3.1 mm Đường kính ngoài ≥ 4.0mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
29	Ống RT PCR 0.1ml, có nắp	Cái	750	Dải 4 ống 0,1ml và nắp - Chất liệu thân ống: nhựa PP (polypropylene) nguyên sinh - Chứng nhận DNase, RNase free và và không chứa chất ức chế PCR	
30	Hạt vi cầu phóng xạ Resin Yttrium-90	Liều	30	Hạt vi cầu phóng xạ Resin Yttrium-90	
31	Lọ hình trụ, đáy hình chữ V chứa hạt vi cầu phóng xạ truyền vào bệnh nhân	Lọ	30	Lọ hình trụ, đáy hình chữ V chứa hạt vi cầu phóng xạ truyền vào bệnh nhân	
32	Bộ kết nối để vận chuyển hạt vi cầu phóng xạ đến bệnh nhân	Bộ	100	Bộ kết nối để vận chuyển hạt vi cầu phóng xạ đến bệnh nhân	
33	Hộp giữ lọ hình trụ có đáy hình chữ V chứa hạt vi cầu phóng xạ.	Hộp	15	Hộp giữ lọ hình trụ có đáy hình chữ V chứa hạt vi cầu phóng xạ. Có khả năng tái sử dụng sau hơn 10 chu kỳ bán rã	
34	Hộp đựng xi lanh dùng để giữ xi lanh chứa hạt vi cầu phóng xạ.	Hộp	15	Hộp đựng xi lanh chuyên biệt: Dùng để giữ xi lanh chứa hạt vi cầu phóng xạ. Có khả năng tái sử dụng sau hơn 10 chu kỳ bán rã.	
35	Hộp kỹ thuật chuyên dụng làm từ nhựa trong (clear acrylic), để thực hiện kĩ thuật chuyển hạt vi cầu phóng xạ vào cơ thể	Hộp	15	Hộp kỹ thuật chuyên dụng làm từ nhựa trong, để thực hiện kĩ thuật chuyển hạt vi cầu phóng xạ vào cơ thể. Có khả năng tái sử dụng sau hơn 10 chu kỳ bán rã	
36	Hạt rỗng (Spacer) dùng trong xạ trị	Hạt	1.000	Hạt rỗng (Spacer) dùng trong xạ trị	
37	Kim cấy hạt dùng trong xạ trị	Cái	250	Kim cấy hạt dùng trong xạ trị	
38	Template dùng 1 lần cho xạ trị	Cái	10	Template dùng 1 lần cho xạ trị	
39	Cartridge chứa hạt phóng xạ và hạt rỗng	Cái	5	Cartridge chứa hạt phóng xạ và hạt rỗng	
40	Kính che chắn phóng xạ	Cái	2	Kính che chắn phóng xạ	
41	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại đồng phẳng, lỗ cắm kim 20G	Cái	9	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại đồng phẳng, Kích thước 10*10cm, Lỗ cắm kim 20G	
42	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại không đồng phẳng, lỗ cắm kim 20G	Cái	95	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại không đồng phẳng, Loại 1-5 lỗ đi kim, Lỗ cắm kim 20G	
43	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại đồng phẳng, lỗ cắm kim 18G	Cái	1	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại đồng phẳng, Kích thước 10*10cm, Lỗ cắm kim 18G	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
44	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại không đồng phẳng, lỗ cắm kim 18G	Cái	5	Mẫu cấy hạt (template) 3D loại không đồng phẳng, Loại 1-5 lỗ đi kim, Lỗ cắm kim 18G	
45	Tấm đệm vuông đệm cằm bệnh nhân	Cái	2	Tấm đệm vuông đệm cằm bệnh nhân	
46	Gối đầu để định vị xạ trị	Cái	6	Gối đầu để định vị xạ trị Size : A-F	
47	Bơm chân không áp suất âm	Cái	1	Bơm chân không áp suất âm	
48	Đệm chân không áp suất âm	Cái	3	Đệm chân không áp suất âm	
49	Bộ súng cấy hạt	Cái	3	Bộ súng cấy hạt	
50	Ổ chứa hạt tương thích với bộ súng cấy	Cái	30	Ổ chứa hạt tương thích với bộ súng cấy	
51	Phun cao áp kênh đôi	Cái	1	Phun cao áp kênh đôi	
52	Bộ dẫn lưu nước áp suất âm	Bộ	1	Bộ dẫn lưu nước áp suất âm	
53	Bảng kiểm soát cấy kim di động	Cái	1	Bảng kiểm soát cấy kim di động	
54	Hạt phóng xạ điều trị ung thư I-125	Hạt	210	Hạt phóng xạ điều trị ung thư I-125	
55	Thiết bị mang vi hạt phóng xạ I-125 dùng để cấy vào khối u tiền liệt tuyến	Cái	3	Thiết bị mang vi hạt phóng xạ I-125 dùng để cấy vào khối u tiền liệt tuyến	
56	Bộ mở khí quản qua da tại giường bằng bộ nong	Bộ	220	Bộ mở khí quản qua da tại giường bằng bộ nong	
57	Lọ bẫy đờm xét nghiệm	Cái	11.400	Lọ bẫy đờm thu thập mẫu đờm xét nghiệm vi sinh, kèm catheter Chiều dài catheter: ≥ 33cm. Thể tích lọ: ≥ 20 ml. Nắp mã hóa màu nhận biết kích thước catheter. Có đầu nối để gắn vào nguồn hút. Có nắp dự phòng. Đã tiệt trùng	
58	Miếng dán hạ thân nhiệt bề mặt	Miếng	120	Miếng dán áp lạnh tại chỗ Dẫn nhiệt: ≥ 35 W/m K	
59	Cảm biến đo cung lượng tim Volume View tương thích máy EV1000	Cái	30	Cảm biến đo cung lượng tim Volume View Tương thích với máy đang có tại bệnh viện	
60	Cảm biến đo đường máu mao mạch dưới da	Cái	650	Giới hạn đo đường máu cho phép từ: ≤ 40 đến ≥ 500 mg/dL Chiều dày sensor: ≤ 5mm, đường kính ≤ 35mm Trọng lượng: ≤ 5g Dữ liệu sẽ được lưu liên tục trong quá trình dán Lưu được dữ liệu ≥ 8h (nếu ghi nhận 15 phút 1 lần) Đạt tiêu chuẩn chống nước IP27	
61	Cáp kết nối catheter đo áp lực thực quản tương thích vơi máy thở Vela	Cái	40	Kết nối với catheter sử dụng đo áp lực thực quản Sử dụng nhiều lần Tương thích với máy thở đang có tại bệnh viện	Tương thích máy thở Care fusion vela
62	Catheter đo áp lực thực quản	Cái	60	Catheter đo áp lực thực quản Catheter cỡ 16 Fr Tương thích với máy thở đang có tại bệnh viện	Tương thích máy thở Care fusion vela

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
63	Catheter tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại vi	Cái	226	Ống thông tĩnh mạch trung tâm đưa vào từ tĩnh mạch ngoại vi. Chất liệu Polyurethane tương thích với sóng radio, Ống dẫn có thể tối thiểu 2 đầu. Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
64	Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất, kèm dẫn lưu kèm đo nhiệt độ não	Bộ	50	Bộ đo áp lực nội sọ tại não thất, kèm dẫn lưu kèm đo nhiệt độ não Catheter có gắn cảm biến, nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài, có vạch chia centimet để xác định độ sâu Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5 mm, có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Trocar có ống tạo đường hầm Vòng cố định Khóa dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
65	Cảm biến đo bão hoà oxy mô, oxy vùng	Cái	200	Độ chính xác của xu hướng rSO2 ≥ 3% Độ chính xác của bão hoà oxy mô rSO2 ≥ 4% Dùng được: người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
66	Đầu đo Methb, HbCO, Hb tương thích máy Masimo	Cái	5	Đầu đo Methb, HbCO, Hb Tương thích với máy đang có tại bệnh viện	
67	Dây cáp đo huyết áp liên tục tương thích máy NihonKonden	Cái	22	Dây cáp đo huyết áp liên tục Tương thích với máy đang có tại bệnh viện	
68	Hệ thống thu thập phân	Cái	250	Ống dẫn silicon Có khả năng giữ trong cơ thể bệnh nhân qua cơ thắt hậu môn	
69	Quả lọc máu tiên tục loại 2	Quả	120	Quả lọc máu liên tục dùng cho máy Diapact Diện tích màng lọc ≥ 2 m2 Đã tiệt trùng Đạt tối thiểu các chứng nhận: CE hoặc FDA	
70	Bộ dây lọc máu liên tục tương thích quả lọc máu liên tục loại 2	Bộ	120	Tương thích với quả lọc máu liên tục loại 2 Đạt tối thiểu các chứng nhận: CE hoặc FDA	
71	Bộ tim phổi nhân tạo ECMO	Bộ	70	Thời gian sử dụng phổi liên tục khoảng: 14 ngày. - Lưu lượng máu: Khoảng 0,5-7 lít/phút. - Lưu lượng khí ≤ 15 lít/phút. - Thể tích mồi (priming): ≥ 200 ml. - Diện tích bề mặt trao đổi khí: ≥ 1,8 m2. - Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: ≥ 0,4 m2. Kèm bộ dây dẫn tuần hoàn	Tương thích với máy Maquet Rotaflow
72	Bộ áo vỗ rung đờm tại giường	Bộ	800	Bộ áo vỗ rung đờm tại giường Áp lực: 3-30mmhg Thời gian sử dụng liên tục: từ 1 tới ≥50 phút	
73	Catheter ngoại vi dây ngắn	Cái	500	Catheter ngoại vi Dây dài nằm trong khoảng: 10-20cm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
74	Túi đo cung lượng nước tiểu cho bệnh nhân sốc	Cái	1.220	Dùng để đựng nước tiểu bệnh nhân nặng, bệnh nhân sốc - Làm bằng nhựa y tế PVC; Có móc treo; Cóng đo vi thể tích 500ml; Túi chứa ≥ 2600ml, Filter lọc khí, van một chiều, kẹp ống và kẹp ga giường, Van xả chữ T; - Dây nối 90cm hoặc 120cm. - Được tiệt khuẩn, dùng một lần. Sử dụng được cho người lớn và trẻ em.	
75	Mặt nạ thở máy không xâm nhập (người lớn)	Cái	590	Mặt nạ thở máy không xâm nhập Chất liệu màng bằng silicon	
76	Ống đựng bệnh phẩm độc chất có nắp	Cái	5.000	Ống đựng bệnh phẩm độc chất có nắp Dung tích nằm trong khoảng: 100-200 ml	
77	Đai dùng cho máy ép tim tự động	Cái	10	Đai dùng cho máy ép tim tự động	
78	Sample tube and Probe cleaner	Cái	6.250	Phục vụ đo áp lực thẩm thấu	
79	Điện cực chuẩn dùng trong tán sỏi	Cái	600	Điện cực tán sỏi sử dụng với máy tán sỏi tại bệnh viện Điện cực làm từ hợp kim Wonfram	Tương thích máy tán sỏi E2000
80	Giấy in kết quả nội soi màu	Hộp	100	Giấy in kết quả nọi soi màu Đóng gói: ≥ 240 tờ/hộp	Tương thích máy nội soi bàng quang
81	EL Reference Electrode Máy Easylyte Plus	Cái	2	EL Reference Electrode Máy Easylyte Plus	
82	EL K+ Electrode Máy Easylyte Plus	Cái	3	EL K+ Electrode Máy Easylyte Plus	
83	EL Na+ Electrode Máy Easylyte Plus	Cái	2	EL Na+ Electrode Máy Easylyte Plus	
84	EL Cl+ Electrode Máy Easylyte Plus	Cái	2	EL Cl+ Electrode Máy Easylyte Plus	
85	Tubing Kit (Dây bơm) Máy Easylyte Plus	Cái	2	Tubing Kit (Dây bơm) Máy Easylyte Plus	
86	Membrane assambly Máy Easylyte Plus	Cái	2	Membrane assambly Máy Easylyte Plus	
87	Sample Detector Máy Easylyte Plus	Cái	2	Sample Detector Máy Easylyte Plus	
88	Fluid Pack Easylyte Na/K/Cl Máy Easylyte Plus	Cái	12	Fluid Pack Easylyte Na/K/Cl Máy Easylyte Plus	
89	Cleaning Solution Kit Máy Easylyte Plus	Cái	6	Cleaning Solution Kit Máy Easylyte Plus	
90	Internal filling solution Máy Easylyte Plus	Cái	2	Internal filling solution Máy Easylyte Plus	
91	Bi- level Quality Control kit (Bộ kiểm tra chất lượng 2 mức)	Bộ	4	Bi- level Quality Control kit (Bộ kiểm tra chất lượng 2 mức)	
92	Điện cực dán trong cộng hưởng từ	Cái	13.000	Khử từ, không hoặc ít nhiễu ảnh tại vị trí dán phù hợp với máy cộng hưởng từ 3T - Hình tròn hoặc chữ nhật - Bề mặt tiếp xúc da: không hoặc ít thay đổi nhiệt độ trong khi chụp cộng hưởng từ - Miếng dán: dính chặt ổn định, không làm ảnh hưởng da bệnh nhân	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
93	Đầu côn không có lọc 100-1000µl	Cái	35000	Thể tích hút 100 - 1000 µL - Chất liệu: Polypropylene, - Tổng chiều dài đầu tip: 7cm (±5%), dung sai: +/-.050" - Autoclaving: Tất cả tip có thể hấp được: 121°C ở áp suất 15 psi trong 15 phút	
94	Đầu côn không có lọc 0.1-10µl	Cái	72000	Thể tích hút 0.1-10µL - Chất liệu: Polypropylene, không tiệt trùng - Tổng chiều dài đầu tip: 45 mm (±5%), đường kính: 0.38 mm (±5%) - Autoclaving: Tất cả tip có thể hấp được: 121°C ở áp suất 15 psi trong 15 phút	
95	Hộp lồng petri đổ thạch lồi (cấy vô trùng, chia ô)	Cái	20	Đĩa được làm bằng nhựa Polystyrene (PS) Đáy lồi và được chia vạch đảm bảo tiếp xúc trực tiếp giữa bề mặt môi trường và bề mặt kiểm tra khi lấy mẫu.	
96	Hộp lưu mẫu 100 vị trí	Hộp	10	Hộp lưu mẫu 100 vị trí Chịu nhiệt –86 đến 121 độ C	
97	Lọ đựng phân tiệt trùng	Cái	10.000	Lọ nhựa Đường kính miệng lọ: 2cm (±5%)	
98	Môi trường vận chuyển mẫu loại bất hoạt vi rút	Ống	5.000	Ống ly tâm hình chóp 15ml, chứa 2-5ml môi trường vận chuyển (VTM hoặc môi trường bảo quản mẫu (UTM 3-5ml)	
99	Ống thủy tinh 60ml (nắp xoáy)	Ống	400	Ống thí nghiệm thủy tinh Dung tích: 60ml có nắp đậy dạng xoáy Kích thước: 25x200mm	
100	Que lấy bệnh phẩm	Cái	250.000	Chất liệu: gỗ. Đầu không có bông chiều dài que khoảng 15cm (± 10%). Đường kính que khoảng 3mm (± 5%).	
101	Đầu côn trắng 0.1-10ul	Cái	35000	Đầu típ bằng nhựa PP (Polypropylene) Khoảng hút: 0.1-10µl Đã tiệt trùng.	
102	Ống nghiệm chân không Citrat 3,2%	Cái	438000	Thành ống cấu tạo loại 2 lớp hoặc 1 lớp có chiều dày lớn - Loại 2 lớp làm bằng vật liệu nhựa PP và PET - Loại 1 lớp làm bằng vật liệu nhựa PET chiều dày thành ống: ≥ 1,8mm Kích thước: Khoảng 13x75mm (± 10%) Tỷ lệ chất chống đông/máu: 1/9 Có vạch lấy máu 2ml ± 0,2 Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
103	Ống nghiệm kích thước 12x70mm	Cái	190.000	Ống nghiệm thủy tinh chịu nhiệt, Kích thước 12 x 70	
104	Ống nghiệm lấy mẫu nắp đỏ có hạt	Cái	295.000	Chất liệu thân ống: nhựa PP Có hạt bi nhựa trong ống Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, Chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong thời gian ≥ 10 phút Nhãn màu đỏ	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
105	Ống nghiệm Sodium heparin 2ml tiệt trùng	Cái	5.200	Chất liệu thân ống bằng nhựa PP Kích thước: 12x75mm (±10%) Hóa chất: Sodium Heparin. Có nhãn để ghi thông số bệnh nhân Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
106	Giấy Parafilm	Cuộn	16	Kích thước: ≥ 4 inch x 125 FT	
107	Giấy thấm 60*60	Tờ	2.000	Giấy thấm Kích thước 60x60nn	
108	Pipet thủy tinh 5ml	Cái	2.500	Chất liệu thủy tinh trong suốt Dung tích 5ml Có vạch chia trên thân pipet	
109	Quả bóp cao su (dùng kèm pipet thủy tinh)	Cái	550	Quả bóp cao su rỗng Có 1 van, sử dụng kết hợp với Pipet thủy tinh 5ml	
110	Pipet tự động bán cố định 10-200 µL	Cái	3	Hệ thống khóa tự động ngăn thay đổi thể tích ngẫu nhiên, thuận tiện trong quá trình làm việc với dải từ 10-200 µL - Có thể hấp tiệt trùng - Độ chính xác: ±3.0 đến ±0.8%	
111	Pipet tự động bán cố định 10-500 µL	Cái	3	- Hệ thống khóa tự động ngăn thay đổi thể tích ngẫu nhiên, thuận tiện trong quá trình làm việc - Có thể hấp tiệt trùng - Độ chính xác: ±3.0 đến ±0.8%	
112	Tăm bông lấy bệnh phẩm trong họng có khấc bẻ	Cái	2.600	Chất liệu nhựa Đầu có bông chiều dài que khoảng 15cm (± 5%). Đường kính que khoảng 3mm (± 5%). Có khấc bẻ	
113	Bút mỡ chuyên dụng	Cái	6	Bút mỡ chuyên dụng. Ngòi bút có đường kính ≤ 4mm.	
114	Cassette đúc bệnh phẩm không nắp	Cái	2.000	Làm bằng chất liệu không tan trong xylen	
115	Dao phẫu tích bệnh phẩm	Cái	2	Dao chất liệu không gỉ,	
116	Pipet nhựa không tiệt trùng	Cái	76.600	Chất liệu nhựa y tế LDPE hoặc tương đương Dung tích lấy mẫu: Khoảng 1 hoặc 3ml Có vạch chia	
117	Giá đựng ống xét nghiệm nước tiểu	Cái	200	Giá đựng ống xét nghiệm Để được kích thước 16x100 Chất liệu bằng inox 50 vị trí sử dụng để đựng ống xét nghiệm nước tiểu	
118	Đĩa petri thủy tinh đổ môi trường	Cái	5.000	Được sản xuất từ thủy tinh soda-lime, đĩa tròn, phẳng, trong suốt có nắp đậy Đường kính: 90mm (±5%) Chiều cao: 15mm (±5%)	
119	Ống nhựa nút đỏ không hạt	Cái	123.000	Chất liệu thân ống: nhựa PP Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, Chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong thời gian ≥ 10 phút Nhãn màu đỏ	
120	Pipet bán tự động 0,1 - 2,5µl	Cái	1	Loại pipet hút hóa chất thể tích từ 0,1 - 2,5µl	
121	Mực đánh dấu mô	Bộ	1	Dùng để đánh dấu mô, có các màu: đen, xanh, đỏ,cam…	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
122	Bình chứa hóa chất cho máy chuyển bệnh phẩm	Cái	1	Thể tích khoảng 4.2 L ± 10%	Tương thích với máy chuyển TisueTek VIP 6AI.
123	Bộ lọc khí dùng cho máy chuyển bệnh phẩm	Bộ	1	Bộ lọc khí dùng cho máy chuyển bệnh phẩm	Tương thích với máy in cassette SLEE
124	Khay cắm cassette	Cái	1	Khay cắm cassette cho máy in cassette	
125	Lọ thủy tinh 250ml	Cái	300	Lọ chất liệu thủy tinh có nắp	
126	Cán dao sử dụng lưỡi dao cắt vi thể	Cái	10	Dùng với lưỡi dao cắt tiêu bản Có cơ cấu khóa thuận tiện cho việc tháo lắp lưỡi dao	
127	Túi cho trạm xả paraffin	Cái	1	Dùng để xả paraffin	Sử dụng cho máy chuyển TisueTek ViP 6AI
128	Lọ đựng phân tiệt trùng (có thìa)	Cái	10.000	Lọ nhựa Dung tích 50ml. Có nhãn, nắp vặn chặt, có thìa lấy mẫu phân bên trong. Sử dụng nhựa y tế trung tính, không phản ứng với bệnh phẩm bên trong. Có thìa đi kèm Đạt Tiêu chuẩn GDP	
129	Bộ kim và khay thủ thuật sinh thiết, chọc hút tủy xương	Bộ	1.200	Kim chọc lấy dịch tủy xương và sinh thiết tủy xương Kim đường kính 11G, Dài 100mm ±5%	
130	Chỉ vi phẫu 2 kim số 9/0	Sợi	200	Chỉ không tiêu 2 kim đơn sợi 9/0 Chỉ màu đen, dài khoảng 25-30cm 2 kim tam giác dài khoảng: 5-6mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
131	Chỉ vi phẫu 2 kim số 10/0	Sợi	200	Chỉ không tiêu 2 kim đơn sợi 10/0 Chỉ màu đen, dài khoảng 25-30cm 2 kim tam giác dài khoảng: 5-6.5mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
132	Chỉ tự tiêu 2 kim số 6/0	Sợi	60	Chỉ sợi bện số 6/0, chất liệu Polyglactin 910 có lớp phủ Chiều dài sợi chỉ nằm trong khoảng 40-50cm Kim tròn 3/8 vòng tròn, chiều dài kim nằm trong khoảng 12-15mm Kim bằng hợp kim không gỉ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
133	Gọng mũi Cannula các kích cỡ	Cái	500	Có nhiều kích cỡ khác nhau Kháng lực dòng tương ứng: - Cỡ lớn: ≤ 0.446 cmH2O/ L/ phút @ 2.5 LPM - Cỡ nhỏ: ≤ 0.230 cmH2O/ L/ phút @ 15 LPM • Ngạnh cong, mềm • Kích thước được mã hóa màu khác nhau với khoảng cách vách ngăn từ 2.5 mm đến 7.75 mm và đường kính ngoài nhánh thở từ 3 mm đến 6.5 mm • Đi kèm đầu nối oxy dài khoảng 15mm • Chất liệu của ống & ngạnh cannula cùng bộ chuyển đổi 15mm: PVC • Chất liệu vòng chữ O: Silicone • Chất liệu bộ chuyển đổi oxy: Acrylic • Không làm bằng cao su tự nhiên hoặc nhựa DEHP	
134	Thông cho ăn trẻ em có nắp	Cái	10000	Ống thông và đầu nối được. Chất liệu nhựa PVC y tế. Có nắp. Chiều dài ống khoảng 50cm (±5%). Có dấu hiển thị từ phần đầu ống là 20;30;40cm. Đã được tiệt trùng.	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
135	Ống đặt nội khí quản dùng cho nhi k	Cái	1000	Chất liệu ống PVC hoặc silicon hoặc nhựa nguyên sinh, nhiều cỡ Đường kính bé nhất: ≤ 2.5mm Chiều dài ≥ 150 mm Có vạch đánh dấu Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
136	Tay dao mổ điện	Cái	5000	Cáp dài khoảng 3m (±5%), lưỡi tiêu chuẩn. Đầu nối: Loại 3 chân. Dùng 1 lần. Dao đã được tiệt trùng,	
137	Lưỡi cắt đốt tiền liệt tuyến, bàng quang đơn cực dùng nhiều lần	Cái	10	Lưỡi cắt đốt tiền liệt tuyến, bàng quang đơn cực Dùng được nhiều lần	
138	Lưỡi dao cắt nội soi tiết niệu hình vòng, một thân (Điện cực cắt)	Cái	100	Lưỡi dao cắt nội soi tiết niệu Hình dạng điện cực: hình vòng	
139	Điện cực cầm máu đầu hình cầu, một thân (Điện cực đốt)	Cái	30	Điện cực cầm máu đầu hình cầu	
140	Bộ cassette chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	Bộ	500	Có khóa cơ học bảo quản được thuốc bên trong cassette. Túi đựng thuốc bên trong cassette được tiệt trùng Có kẹp khóa để khóa dòng chảy thuốc. Van nối được dùng để bao phủ ngoài mối nối tránh rò rỉ thuốc. Ống dẫn thuốc với chiều dài ≥ 20cm.	
141	Bộ dây truyền dịch loại 2 bóng	Bộ	10	Bộ dây truyền dịch loại 2 bóng dùng cho máy hạ thân nhiệt	Tương thích máy hạ thân nhiệt Thermogard XP
142	Bộ dây truyền dịch loại 3 bóng	Bộ	10	Bộ dây truyền dịch loại 3 bóng dùng cho máy hạ thân nhiệt	Tương thích máy hạ thân nhiệt Thermogard XP
143	Bộ bẫy khí và kết nối dung dịch muối với dây truyền dịch	Bộ	20	Bộ bẫy khí và kết nối dung dịch muối với dây truyền dịch	Tương thích máy hạ thân nhiệt Thermogard XP
144	Dây đo kiểm soát nhiệt độ thực quản, trực tràng	Cái	420	Dây đo kiểm soát nhiệt độ thực quản, trực tràng dùng cho máy hạ thân nhiệt	Tương thích máy hạ thân nhiệt Thermogard XP
145	Mặt nạ thanh quản để đặt ống nội khí quản có kênh dẫn tới dạ dày	Cái	110	Mặt nạ thanh quản để đặt ống nội khí quản có kênh dẫn tới dạ dày cho những trường hợp bệnh nhân bị trào ngược dạ dày. Đầu nối được mã hóa màu sắc tương ứng với các kích cỡ của ống nội khí quản. Có tối thiểu 5 cỡ: + Cỡ 2.0: cỡ ống nội khí quản tối đa là 6.0 + Cỡ 2.5: cỡ ống nội khí quản tối đa là 6.5 + Cỡ 3.0: cỡ ống nội khí quản tối đa là 7.0 + Cỡ 3.5: cỡ ống nội khí quản tối đa là 7.5 + Cỡ 4.0: cỡ ống nội khí quản tối đa là 8.0	
146	Cây nòng đặt nội khí quản kiểu Bougie cho người lớn, đầu cong	Cái	30	Cây dẫn đường đầu cong. Chất liệu: LDPE hoặc tương đương Kích thước: 15Fr x 70 cm (±5%) Phù hợp với ống nội khí quản: 6mm ;11 mm.	
147	Thông nelaton	Cái	2.000	Ống dài khoảng 40cm (±5%), bằng nhựa y tế, đầu hở với 2 lỗ. Đã được tiệt trùng. Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
148	Dây hút dịch phẫu thuật loại dài	Cái	10.000	Chất liệu nhựa PVC Chiều dài ≥ 360 cm Có sẵn 2 đầu nối tiêu chuẩn với máy và vòi hút. Chịu được áp suất âm: ≤ -70kpa Đã tiệt trùng	
149	Dây hút dịch phẫu thuật loại ngắn	Cái	2.000	Chất liệu nhựa PVC Chiều dài ≤ 200 cm Có sẵn 2 đầu nối tiêu chuẩn với máy và vòi hút. Chịu được áp suất âm: ≤ -70kpa Đã tiệt trùng	
150	Kẹp rốn	Cái	5.000	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh Đã tiệt trùng	
151	Clip mạch máu dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi các cỡ (Hemolock)	Cái	9.000	Chất liệu: Polymer không tiêu, có tối thiểu 2 kích thước Kích thước 1: - Kẹp được mạch máu cỡ 5 mm đến 13 mm - Chiều dài chân clip ngoài nằm trong khoảng: 12-14mm Kích thước 2: - Kẹp được mạch máu cỡ 7 mm đến 16 mm - Chiều dài chân clip ngoài nằm trong khoảng: 16-18mm Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
152	Clip titan	Cái	600	Chất liệu: Titanium - Hình chữ V, - Clip có nhiều kích cỡ - Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở có chiều dài nằm trong khoảng 3-12mm - Clip khi đóng có chiều dài nằm trong khoảng: 3-13mm Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
153	Chỉ đơn sợi số 0 tiêu chậm	Sợi	180	Chỉ tiêu đơn sợi số 0 Thời gian tiêu hoàn toàn nằm trong khoảng 180-300 ngày Khả năng duy trì bền kéo sau 28 ngày ≥ 50% Chiều dài ≥ 90cm Kim tròn 1/2 vòng tròn chiều dài nằm trong khoảng 40-45mm Kim bằng hợp kim không gỉ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
154	Chỉ sợi bện tiêu nhanh 3/0	Sợi	2.160	Chỉ sợi bện tự tiêu số 3/0 Thời gian tiêu hoàn toàn nằm trong khoảng 40-50 ngày Khả năng duy trì bền kéo sau 5 ngày ≥ 50% Chiều dài sợi chỉ nằm trong khoảng 70-80cm Kim 3/8 vòng tròn, chiều dài kim nằm trong khoảng 15-20mm Kim bằng hợp kim Surgalloy hoặc Ethalloy Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
155	Chỉ sợi bện Polyglactin số 2	Cái	2.160	Chỉ sợi bện số 2, chất liệu Polyglactin 910 có lớp phủ Chiều dài sợi chỉ nằm trong khoảng 70-80cm Kim 1/2 vòng tròn, chiều dài kim nằm trong khoảng 25-30mm Kim bằng hợp kim không gỉ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
156	Chỉ sợi bện Polyglactin số 0	Sợi	6.000	Chỉ sợi bện số 0, chất liệu Polyglactin 910 có lớp phủ Chiều dài sợi chỉ nằm trong khoảng 70-80cm Kim 1/2 vòng tròn, chiều dài kim nằm trong khoảng 25-30mm Kim bằng hợp kim không gỉ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
157	Bộ đẩy stent đường mật các cỡ	Cái	50	Dùng để đặt stent đường mật Thiết kế có vị trí cản quang Đường kính Catheter có tối thiểu các cỡ: 5 và 5,5fr. Chiều dài làm việc ≥ 190cm Tương thích dây dẫn 0,035 inch và kênh nội soi 4.2mm. Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
158	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy vào da dày (LAMS)	Cái	20	Stent kim loại dẫn lưu nang giả tụy vào da dày (LAMS)0	
159	Stent kim loại dẫn lưu đường mật vào dạ dày ((Lumen-Apposing Metal Stent: LAMS)	Cái	10	Stent kim loại dẫn lưu đường mật vào dạ dày ((Lumen-Apposing Metal Stent: LAMS)0	
160	Sonde dẫn lưu tụy mũi	Cái	10	Chiều dài ≥ 200cm, Đường kính 5Fr, Tương thích dây dẫn hướng 0.035" Bao gồm một ống chuyển mũi và một ống dẫn lưu ống nối Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
161	Sonde mũi nang, sonde mũi mật	cái	10	Vật liệu bằng nhựa PE mềm Chiều dài ≥ 250cm Kích cỡ 5Fr-7Fr, Tương thích với dây dẫn 0.025 inch Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
162	Dụng cụ lấy dị vật loại 5 chấu dùng đ	cái	10	Dụng cụ lấy dị vật loại 5 chấu dùng để lấy bệnh phẩm hoặc polyp Phù hợp kênh dụng cụ đường kính 2,8mm, Chiều dài ≥ 1600mm. Độ mở: khoảng 20mm (±5%) Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
163	Dây rọ (kết hợp với vỏ nhựa và vỏ sắt)	cái	50	Rọ tán sỏi, đường kính của rọ 30mm (±5%) , tương thích với kênh dụng cụ 4.2mm Kết hợp với vỏ sắt và vỏ nhựa Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
164	Vỏ nhựa (kết hợp với vỏ sát và dây rọ)	cái	50	Vỏ nhựa cho rọ tán sỏi, có thể bơm chất cản quang, tương thích được với tay cầm của bộ tán sỏi cấp cứu Tương thích với dây rọ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
165	Vỏ sắt (kết hợp với vỏ nhựa và dây rọ)	cái	30	Hỗ trợ nong trong quá trình thao tác, có thể bơm chất cản quang. Tương thích với dây rọ Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
166	Sonde thăm dò mũi	Cái	50	Đường kính: khoảng 5,5mm Chiều dài làm việc ≥ 85mm Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
167	Stent kim loại ruột non	Cái	2	Stent kim loại ruột non	
168	Sonde blakemore	Cái	50	Ống thông blakemore	
169	Kim tiêm xơ	Cái	400	Dùng chích cầm máu, chích xơ qua nội soi. Kim đầu kim loại dài 3mm và 5mm, đầu vát, đường kính 21G hoặc 23G. Dây dẫn dài chất liệu nhựa Teflon đường kính 2,35mm dài ≥ 180cm. Tay cầm có nút bấm cố định kim . Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
170	Ống trượt dùng trong nội soi ruột non bóng đơn	cái	5	Ống thông dẫn đường cho soi ruột non bóng đơn, Chất liệu cao su, thấm nước, Đường kính ngoài khoảng 13.2mm, Đường kính trong 11mm , Chiều dài làm việc: ≥ 1300mm, Chiều dài tổng: ≥ 1400mm, Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
171	Kim chọc hút ổ áp xe gan (Angiocat)	Cái	200	Đường kính kim 16G Đường kính ngoài 1,7mm Chiều dài kim khoảng 133mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
172	Kim chọc hút mủ ổ áp xe gan	Cái	700	Kim chọc dịch đường kính 18G hoặc 22G. Độ dài ≥ 150mm. Thân kim có vạch đánh dấu phân độ dài Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
173	Kim tiêm cồn	Cái	20	- Đường kính kim 21G - Đường kính ngoài 1,7mm - Chiều dài kim 80mm, 150mm, 200mm - Kim với đầu típ được đóng kín hình tháp 3 hoặc 6 lỗ ở bên trong tạo khoảng trống 120° - Ống nối dài thêm với đầu nối khóa vặn xoáy Luer lock cho kết nối xy lanh. Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
174	Nong ống cứng	Cái	-	Bộ nong thực quản được thiết kế với đầu típ mềm Đường kính bóng nong từ 5mm-20mm, Chiều dài khoảng: 70cm hoặc 100cm; Gồm thanh nong kèm guidewire dài 250cm Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
175	Dụng cụ tán bã thức ăn	Cái	2	Dụng cụ cán bã thức ăn Cán trợ lực, Vỏ sắt tán bã ,Dây thép tán bã , Mũ bảo vệ thực quản (Bao gồm cả rọ)	
176	Dây dẫn khí argon tương thích máy cát Erber VIO	Cái	2	Dây dẫn khí Argon Dài khoảng: 2,5m	
177	Ống thông bảo vệ thực quản, dạ dày	Cái	5	Có chiều dài 25cm-50cm. Đường kính ngoài của ống khoảng 19.5mm (±5%), đường kính trong khoảng 16.7mm (±5%) Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	
178	Bình nước rửa đầu đèn máy tương thích máy nội soi Olympus	Cái	10	Bình nước tương thích với hệ thống nội soi đang có tại bệnh viện	
179	Túi treo tay dạng vải	Cái	300	Chất liệu vải cotton mềm hoặc tương đương, có hệ thống khóa cố định. Nâng đỡ được tay ở trạng thái nghỉ. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	
180	Lưỡi nạo cắt VA loại cong 40 độ	Cái	120	Lưỡi nạo cắt VA loại cong mặt cắt phía dưới Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	
181	Lưỡi nạo cắt xoang loại thẳng	Cái	120	Lưỡi nạo cắt xoang loại thẳng Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	
182	Lưỡi nạo cắt xoang loại cong 40 độ	Cái	120	Lưỡi nạo cắt xoang loại cong khoảng 40 độ Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	
183	Lưỡi nạo cắt xoang trán cong 40 độ	Cái	30	Lưỡi nạo cắt xoang trán cong khoảng 40 độ Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	
184	Lưỡi nạo cắt xoang trán cong 60 độ	Cái	40	Lưỡi nạo cắt xoang trán cong 60 độ Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
185	Lưỡi nạo cắt xoang hàm cong 120 độ	Cái	50	Lưỡi nạo cắt xoang hàm cong 120 độ Đường kính khoảng 4mm (±10%) Chiều dài nằm trong khoảng: 10-12cm	
186	Mũi khoan xoang trán loại cắt đầu tròn	Cái	30	Mũi khoan xoang trán loại cắt đầu tròn Đường kính khoảng: 3.2 mm (±5%)	
187	Mũi khoan xoang trán cong 55 độ loại cắt đầu hình trụ	Cái	30	Mũi khoan xoang trán cong 55 độ loại cắt đầu hình trụ Đường kính khoảng: 3.6 mm (±5%)	
188	Mũi khoan xoang trán cong 40 độ loại cắt mịn đầu hình trụ	Cái	30	Mũi khoan xoang trán cong 40 độ loại cắt mịn đầu hình trụ Đường kính khoảng: 3mm (±5%)	
189	Mũi khoan xoang bướm kim cương	Cái	20	Mũi khoan xoang bướm kim cương Đường kính mũi khoan: 5mm(±5%)	
190	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 7 mm	Cái	5	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 7 mm Chiều dài khoảng: 64 mm (±5%)	
191	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 5 mm	Cái	5	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 5 mm Chiều dài khoảng: 64 mm (±5%)	
192	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 4 mm	Cái	5	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 4 mm Chiều dài khoảng: 68 mm (±5%)	
193	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 3 mm	Cái	5	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 3 mm Chiều dài khoảng: 66 mm (±5%)	
194	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 1.5 mm	Cái	5	Mũi khoan tai cắt đầu tròn đường kính 1.5 mm Chiều dài khoảng: 65 mm (±5%)	
195	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 6 mm	Cái	5	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 6 mm Chiều dài khoảng: 64 mm (±5%)	
196	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 4 mm	Cái	5	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 4 mm Chiều dài khoảng: 69 mm (±5%)	
197	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 3 mm	Cái	5	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 3 mm Chiều dài khoảng: 68 mm (±5%)	
198	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 2 mm	Cái	5	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 2 mm Chiều dài khoảng: 67 mm (±5%)	
199	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 1 mm	Cái	5	Mũi khoan tai kim cương đầu tròn mịn đường kính 1 mm Chiều dài khoảng: 67 mm (±5%)	
200	Ống thông khí tai giữa kiểu Shepard	Cái	100	Ống thông khí tai giữa kiểu Shepard Đường kính khoảng: 1.1(±5%)	
201	Ống thông khí tai giữa kiểu chữ T (T-tube)	Cái	30	Ống thông khí tai giữa kiểu chữ T (T-tube) Chất liệu Silicone	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
202	Trụ thay thế xương bàn đạp	Cái	20	Trụ thay thế xương bàn đạp Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium	
203	Trụ thay thế xương con toàn bộ (TORP)	Cái	20	Trụ thay thế xương con toàn bộ (TORP) Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium	
204	Trụ thay thế xương con bán phần (PORP) thay xương đe	Cái	20	Trụ thay thế xương con bán phần (PORP) thay xương đe Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium	
205	Trụ thay thế xương con bán phần (PORP) chụp lên xương bàn đạp	Cái	20	Trụ thay thế xương con bán phần (PORP) chụp lên xương bàn đạp Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium	
206	Nẹp hàm dưới 4 lỗ	Cái	40	Nẹp hàm dưới loại 4 lỗ. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titanium, Độ dày nẹp: ≤ 1.5mm Tương thích với vít hàm dưới Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
207	Nẹp hàm trên 16 lỗ	Cái	70	Chất liệu titan hoặc hợp kim titan, 16 lỗ Độ dày ≤ 1.1mm Tương thích với vít hàm trên Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
208	Nẹp hàm trên 6 lỗ	Cái	30	Chất liệu titan hoặc hợp kim titan, 6 lỗ Độ dày ≤ 1.1mm Tương thích với vít hàm trên Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
209	Vít hàm dưới	Cái	230	Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titanium, Tự taro Đường kính: 2.3mm Có nhiều chiều dài các cỡ trong đó: Chiều dài bé nhất ≤5mm; chiều dài lớn nhất ≥ 15mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
210	Vít hàm trên	Cái	590	Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titanium, Tự taro Đường kính: 2.0mm Có nhiều chiều dài các cỡ trong đó: Chiều dài bé nhất ≤5mm; chiều dài lớn nhất ≥ 17mm Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
211	Phim X quang chụp cận chóp	Cái	20	Phim X quang chụp cận chóp	
212	Ống hút nhựa	Cái	19.000	Ống hút nhựa dùng hút dịch trong miệng bệnh nhân	
213	Kim tiêm nha khoa 2 đầu	Cái	10.000	Kim tiêm nha khoa 2 đầu	
214	Đầu kim máy phi kim, 12 đầu kim	Cái	200	Có 12 đầu kim Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
215	Đầu kim máy phi kim, 36 đầu kim	Cái	500	Có 36 đầu kim Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
216	Đầu kim máy phi kim, lăn kim Circle nano	Cái	300	Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
217	Kim tiêm 34G	Cái	1.000	Kích cỡ kim 34G Chiều dài kim khoảng: 4mm(± 5%)	
218	Kim cannula 23G	Cái	50	Kim cannula đầu tù dùng để tiêm Filler Cỡ kim 23G Chiều dài kim nằm trong khoảng: 35-50cm Đã tiệt trùng	
219	Kim cannula 25G	Cái	100	Kim cannula đầu tù dùng để tiêm Filler Cỡ kim 25G Chiều dài kim nằm trong khoảng: 35-50cm Đã tiệt trùng	
220	Kim cannula 27G	Cái	100	Kim cannula đầu tù dùng để tiêm Filler Cỡ kim 27G Chiều dài kim nằm trong khoảng: 35-50cm Đã tiệt trùng	
221	Que nặn mụn trứng cá	Cái	500	Que nặn mụn trứng cá Dài khoảng: 8-15cm Đã tiệt trùng	
222	Băng đo huyết áp tương thích máy theo dõi Nihon Kohden	Cái	10	Băng đo huyết áp cho máy theo dõi tương thích máy theo dõi có tại bệnh viện	
223	Băng đo huyết áp tương thích máy theo dõi NONIN 2120	Cái	4	Băng đo huyết áp cho máy theo dõi tương thích với máy có tại bệnh viện	
224	Đầu đo SpO2 dùng tương thích máy theo dõi NONIN 2120	Cái	6	Đầu đo SpO2 dùng cho máy theo dõi tương thích với máy có tại bệnh viện	
225	Bóng bóp dùng nhiều lần có van Pip	Cái	6	Bóng bóp dùng nhiều lần có van Pip	
226	Van Pip bóp bóng	Cái	6	Van Pip bóp bóng	
227	Đầu đo SpO2 tương thích máy đo SpO2 cầm tay Masimo dùng nhiều lần	Cái	4	Đầu đo SpO2 tương thích máy đo SpO2 cầm tay	
228	Đầu đo SPO2 sử dụng tương thích máy theo dõi bệnh nhân (sử dụng cho máy Nihon Kohden)	Cái	10	Đầu đo SPO2 sử dụng cho máy theo dõi bệnh nhân	
229	Kim điện cơ đồng tâm	Cái	1.800	Kim điện cơ đồng tâm	
230	Điện cực dán đo dẫn truyền	Cái	100	Điện cực dán đo dẫn truyền	
231	Điện cực đất loại dán	Cái	150	Điện cực đất loại dán	
232	Chất làm đặc	Hộp	15	Chất làm đặc	
233	Băng bột các loại	Cuộn	1.000	Băng bột các loại	
234	Dầu Paraphin	Kg	10	Dầu Paraphin	
235	Dây bàn kéo	Chiếc	5	Dây bàn kéo	
236	Dây cáp dùng cho điện cực kim	Bộ	5	Dây cáp dùng cho điện cực kim	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
237	Dây dẫn bàn cực từ tính (Máy ĐX, ĐP, GT)	Bộ	30	Dây dẫn bàn cực từ tính(Máy ĐX, ĐP, GT)	
238	Điện cực dán (To)	Cái	500	Điện cực dán (To)	
239	Điện cực dán đo ALBQ+ Niệu (nhỏ)	Bộ	500	Điện cực dán đo ALBQ+ Niệu (nhỏ)	
240	Điện cực đất Ag/Agcl	Hộp	20	Điện cực đất Ag/Agcl	
241	Điện cực đo dẫn truyền	Hộp	30	Điện cực đo dẫn truyền	
242	Điện cực feedback (AĐ)	Chiếc	10	Điện cực feedback (AĐ)	
243	Điện cực feedback(HM)	Chiếc	10	Điện cực feedback(HM)	
244	Điện cực dán bề mặt	Chiếc	800	Điện cực dán bề mặt	
245	Dụng cụ phụ trợ	Cái	100	Dụng cụ phụ trợ	
246	Mỡ Narolin	kg	10	Mỡ Narolin	
247	Nhựa tấm cácloai	Tấm	100	Nhựa tấm cácloai	
248	Sonde đo ALBQ	Chiếc	100	Sonde đo ALBQ	
249	Tăm bông chuyên dụng	Chiếc	5.000	Tăm bông chuyên dụng	
250	Tấm lót điện cực	Miếng	10.000	Tấm lót điện cực	
251	Thạch cao	kg	500	Thạch cao	
252	Dây máy bơm rửa khớp Wolf loại dùng nhiều lần	Cái	10	Dây máy bơm rửa khớp Có thể sử dụng ≥ 20 lần Tương thích với máy trong bệnh viện	
253	Dây máy bơm rửa khớp Wolf loại dùng 1 lần	Cái	50	Dây máy bơm rửa khớp dùng 1 lần Tương thích với máy trong bệnh viện	
254	Kim điện cơ	Cái	500	Kim điện cơ	
255	Điện cực dán đo dẫn truyền cơ	Cái	230	Điện cực dán đo dẫn truyền cơ	
256	Bóng nong phế quản	Cái	20	Chiều dài catheter 110cm Chiều dài bóng: 3-5cm Đường kính bóng: 12-18mm Áp lực bóng chịu được tối đa: 9atm Có guidewire trong bóng	
257	Filter lọc khuẩn máy FeNO	Cái	5.000	Bề mặt trao đổi màng: >34,00 cm2 Hiệu suất lọc vi khuẩn: > 99,999% Hiệu quả lọc virus: > 99,99%	
258	Mặt nạ thanh quản 1 nòng cơ chế bơm hơi	Cái	10	Có tối thiểu cỡ 4mm và 5mm Chất liệu silicon	
259	Mặt nạ thanh quản 1 nòng silicon	Cái	10	Có tối thiểu cỡ số 4 và số 5 Chất liệu silicon Đường kính trong lòng > 1cm, thẳng, không chia nhánh	

STT	Danh mục vật tư y tế	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu mời chào giá	Ghi chú
260	Phin lọc khuẩn dùng cho máy đo CNHH KoKo	Cái	75.000	Tương thích với máy đo chức năng hô hấp KoKo. Hiệu suất lọc ≥ 99%. Đường kính trong: khoảng 45 mm (±5%). Đường kính ngoài: Khoảng 48mm (±5%) Đạt tối thiểu chứng nhận CE hoặc FDA	
261	Stent Y dynamic các cỡ	Cái	5	Chất liệu bằng Silicon Cấu tạo dạng chữ y Trục chính có khung đỡ bằng kim loại	
262	Trocar màng phổi các cỡ	Cái	550	Chất liệu PVC trong suốt Nòng trong bằng Aluminum, có đường cản quang dọc thân ống, có vạch đánh dấu. Có lỗ phần đầu ống dẫn lưu Đạt tối thiểu chứng nhận: CE và FDA	
263	Giấy điện tim dùng cho máy điện tim Welch Allyn CP 150	Tập	100	Giấy điện tiêm dùng cho máy điện tiêm đang có tại bệnh viện	
264	Buồng đệm dùng cho test giãn phế quản	Cái	200	Buồng đệm dùng cho test giãn phế quản Dung tích nằm trong khoảng: 140-250ml Làm bằng chất liệu chống tĩnh điện	
265	Kìm sinh thiết (cho ống nội soi phế quản cứng)	Cái	2	Kìm sinh thiết ống cứng Chiều dài nằm trong khoảng: 50-80cm	
266	Bộ lấy đờm phế quản	Bộ	8.000	Bộ lấy đờm, kèm catheter chất liệu bằng silicon Thể tích lọ: ≥ 40 ml. Nắp mã hóa màu nhận biết kích thước catheter. Có đầu nối để gắn vào nguồn hút. Có nắp dự phòng. Đã tiệt trùng	
267	Trocar nội soi (nhựa) dùng để dẫn đường cho optic, ống soi	Cái	20	Bằng nhựa có nòng sắt bên trong và có nút cao su	
268	Catheter phun bột tal qua ống nội soi bán cứng	Cái	10	Chất liệu: silicon, lòng rỗng Chiều dài: 2400mm Phù hợp với kênh làm việc > 2mm	
269	Sonde đốt điện cứng (nội soi ống cứng)	Cái	2	Chiều dài >40cm Đầu tù hoặc đầu hình chữ L Đường kính thân <5mm Có vỏ bọc ngoài cách điện	
270	Optic dẫn sáng thẳng cho nội soi phế quản ống cứng	Cái	2	Optic cứng Góc nhìn thẳng (0 độ) Đường kính ống: 4,5mm Chiều dài làm việc; 50cm Có thể hấp tiệt trùng được	
271	Phin lọc khuẩn dùng cho máy đo chứng năng hô hấp Chest H-801	Cái	2.000	Phin lọc khuẩn tương tích với máy đo chức năng hô hấp đang có tại bệnh viện	
272	Gel dán điện cực điện não	Lọ	104	Gel dán điện cực điện não Trọng lượng: ≥ 220g Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	
273	Gel tẩy da chết	Tuýp	208	Gel tẩy da chết Trọng lượng: ≥ 110g Đạt tối thiểu chứng nhận: CE hoặc FDA	